|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**  **TỈNH QUẢNG TRỊ**  Số: /2022/NQ-HĐND | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**    *Quảng Trị, ngày tháng năm 2022* |

DỰ THẢO

**NGHỊ QUYẾT**

**Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới**

**trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đến năm 2025, định hướng đến năm 2030**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ**

**KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ 8**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 29/11/2019;*

*Căn cứ Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;*

*Xét Tờ trình số .../TTr-UBND ngày .../.../2022 của UBND tỉnh về việc ban hành Nghị quyết về thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Báo cáo thẩm tra số .../BC-HĐND ngày .../.../2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VIII.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua Chương trình mục tiêu quốc gia (MTQG) xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 với các nội dung chủ yếu sau:

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mục tiêu tổng quát**

Tiếp tục thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới gắn với thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn, quá trình đô thị hoá, đi vào chiều sâu, hiệu quả, bền vững; thực hiện xây dựng huyện, xã nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu và thôn, bản nông thôn mới. Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn, thúc đẩy bình đẳng giới. Xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn đồng bộ và từng bước hiện đại, bảo đảm môi trường, cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn, giàu bản sắc văn hoá truyền thống, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững.

**2. Mục tiêu cụ thể**

a) Đến năm 2025

- Phấn đấu có thêm 04 huyện đạt chuẩn nông thôn mới; có 01 huyện nông thôn mới kiểu mẫu.

- Có 80% số xã đạt chuẩn nông thôn mới; có 25% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu.

- Không còn xã đạt dưới 13 tiêu chí.

- Có ít nhất 40% số thôn, bản thuộc các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đạt chuẩn nông thôn mới.

- Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn tăng ít nhất 1,5 lần so với năm 2020.

b) Định hướng đến năm 2030

- Phấn đấu có thêm 01 huyện đạt chuẩn nông thôn mới, 01 huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, duy trì bền vững huyện nông thôn mới kiểu mẫu.

- Có 85% số xã đạt chuẩn nông thôn mới.

**II. NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ, HỆ SỐ PHÂN BỔ VỐN TRUNG ƯƠNG, QUY ĐỊNH BỐ TRÍ NGÂN SÁCH TỈNH VÀ ĐỊNH MỨC HỖ TRỢ TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

**1. Nguyên tắc, tiêu chí, hệ số phân bổ vốn ngân sách trung ương**

a) Nguyên tắc

- Nguồn vốn ngân sách trung ương thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình bảo đảm tính công bằng, công khai, minh bạch và tuân thủ quy định pháp luật.

- Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và bền vững. Bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho các huyện, xã.

- Ưu tiên hỗ trợ cho các xã, các huyện chưa đạt chuẩn nông thôn mới, xã đạt dưới 15 tiêu chí.

- Ngân sách trung ương hỗ trợ các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới tiếp tục hoàn thiện các tiêu chí nông thôn mới đã đạt chuẩn nhưng mức đạt chuẩn của một số chỉ tiêu còn chưa cao để nâng cao chất lượng các tiêu chí và bảo đảm bền vững.

b) Tiêu chí, hệ số phân bổ (đối với nguồn đầu tư phát triển)

- Đối với vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương năm 2021 (chuyển sang thực hiện năm 2022): áp dụng theo tiêu chí, hệ số quy định tại Điều 4 Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

- Đối với vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương giai đoạn 2022-2025

+ Tiêu chí, hệ số phân bổ theo đối tượng xã

Phân bổ ngân sách trung ương cho 71 xã (trừ các xã đặc biệt khó khăn (ĐBKK), gồm: 27 xã ĐBKK vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, 03 xã ĐBKK vùng bãi ngang ven biển) như sau:

Xã đạt dưới 15 tiêu chí (gồm 01 xã: Ba Lòng): Hệ số 7,0.

Xã đạt từ 15 đến 18 tiêu chí (gồm 07 xã: Triệu An, Triệu Lăng, Triệu Vân, Hải Chánh, Gio Châu, Hải Thái, Gio Mai): Hệ số 5,0.

Xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới (gồm 63 xã): Hệ số 1,0.

+ Tiêu chí, hệ số phân bổ theo đối tượng huyện

Phân bổ ngân sách trung ương cho 04 huyện (Hải Lăng, Triệu Phong, Vĩnh Linh, Gio Linh) để tập trung hoàn thành các tiêu chí huyện nông thôn mới và phấn đấu đạt chuẩn giai đoạn 2021- 2025: Hệ số phân bổ gấp 4 lần so với các xã dưới 15 tiêu chí.

**2. Quy định về bố trí ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình**

Nguồn vốn thực hiện Chương trình, bao gồm: nguồn vốn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới; ngân sách địa phương; vốn lồng ghép các Chương trình MTQG, các chương trình, dự án; vốn tín dụng; vốn huy động doanh nghiệp, hợp tác xã, các loại hình kinh tế khác; vốn nhân dân đóng góp. Trong đó, nguồn vốn **ngân sách tỉnh bố trí** **tối thiểu 90 tỷ đồng/năm** đầu tư trực tiếp cho Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới; trong quá trình điều hành, UBND tỉnh tiếp tục cân đối ngân sách tỉnh, báo cáo HĐND tỉnh ưu tiên bổ sung nguồn chi thực hiện nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới. Nguồn ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới bố trí thực hiện các nội dung sau:

a) Tập trung hỗ trợ các xã, huyện nằm trong kế hoạch, lộ trình phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu; giao UBND tỉnh xây dựng phương án phân bổ hàng năm và giai đoạn để hoàn thành các mục tiêu huyện, xã đạt chuẩn đã được đề ra.

b) Thực hiện chính sách hỗ trợ lãi suất vốn vay phát triển sản xuất, kinh doanh và chuyển đổi sinh kế trong xây dựng nông thôn mới; giao UBND tỉnh ban hành quyết định triển khai thực hiện, để cụ thể hóa chính sách này.

c) Thực hiện chính sách khen thưởng bằng công trình phúc lợi đối với các địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu và có nhiều nỗ lực trong xây dựng nông thôn mới, cụ thể như sau:

- Đối với cấp huyện

+ Huyện đạt chuẩn nông thôn mới (NTM) tặng thưởng công trình trị giá 2.000 triệu đồng.

+ Huyện đạt chuẩn NTM nâng cao tặng thưởng công trình trị giá 3.000 triệu đồng.

+ Huyện đạt chuẩn NTM kiểu mẫu tặng thưởng công trình trị giá 5.000 triệu đồng.

- Đối với cấp xã

+ Xã đạt chuẩn nông thôn mới ở các cấp độ, giai đoạn 2021-2025: xã đạt chuẩn NTM tặng thưởng công trình trị giá 300 triệu đồng; xã đạt chuẩn NTM nâng cao tặng thưởng công trình trị giá 400 triệu đồng; xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu tặng thưởng công trình 500 triệu đồng.

+ Xã đặc biệt khó khăn có nhiều nỗ lực vươn lên trong xây dựng NTM (có mức tăng mới 8 tiêu chí trở lên trong giai đoạn 2021-2025, trong đó có tiêu chí thu nhập và hộ nghèo) tặng thưởng công trình phúc lợi trị giá 300 triệu đồng (tổng kết giai đoạn chọn 03 xã tiêu biểu khen thưởng).

+ Xã đạt chuẩn nông thôn mới được Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen, Cờ thi đua vì có nhiều thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020”, tặng thưởng công trình trị giá 500 triệu động.

**3. Định mức hỗ trợ ngân sách nhà nước**

Quy định mức hỗ trợ vốn trực tiếp từ ngân sách nhà nước để thực hiện các nội dung, công việc thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

a) Hỗ trợ 100% từ ngân sách nhà nước để thực hiện các nội dung

- Rà soát, điều chỉnh lập mới quy hoạch cấp xã và quy hoạch vùng huyện; công tác tuyên truyền; đào tạo, tập huấn, phổ biến kiến thức, nâng cao năng lực cho cộng đồng, người dân và cán bộ các cấp; kinh phí quản lý thực hiện Chương trình các cấp; nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của chính quyền, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng NTM; thực hiện các phong trào thi đua trong xây dựng NTM.

- Đào tạo nghề cho lao động nông thôn (Các đối tượng hỗ trợ thuộc địa bàn vùng dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang ven biển, huyện nghèo bố trí từ kinh phí của Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững để thực hiện).

b) Hỗ trợ một phần từ ngân sách nhà nước để thực hiện các nội dung

- Hỗ trợ xây dựng nông thôn mới cấp huyện

+ Nội dung hỗ trợ: hỗ trợ các huyện phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới hoàn thành hạ tầng giao thông kết nối xã, huyện; hạ tầng phục vụ cho sản xuất, phục vụ các hoạt động của cộng đồng; phát triển y tế - văn hóa - giáo dục; công trình thu gom, xử lý, chất thải rắn, nước thải sinh hoạt; công trình nước sạch tập trung; xử lý ô nhiễm môi trường khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề; hỗ trợ Chương trình OCOP;...

+ Định mức hỗ trợ: cho một công trình, dự án được bố trí từ ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, như sau:

Trường hợp công trình hỗ trợ từ ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh: Đối với các huyện miền núi, ngân sách trung ương hỗ trợ không quá 70%, ngân sách tỉnh hỗ trợ không quá 20%, còn lại là ngân sách huyện và các nguồn vốn khác. Đối với các huyện còn lại, ngân sách trung ương hỗ trợ không quá 50%, ngân sách hỗ trợ không quá 30%, còn lại là ngân sách huyện và các nguồn vốn khác.

Trường hợp công trình hỗ trợ từ ngân sách trung ương, ngân sách huyện đối ứng: Đối với các huyện miền núi, ngân sách trung ương hỗ trợ không quá 70%, còn lại là ngân sách huyện và các nguồn vốn khác. Đối với các huyện còn lại, ngân sách trung ương hỗ trợ không quá 50%, còn lại là ngân sách huyện và các nguồn vốn khác.

Trường hợp công trình hỗ trợ từ ngân sách tỉnh, ngân sách huyện đối ứng: Đối với các huyện miền núi, ngân sách tỉnh hỗ trợ không quá 70%, còn lại là ngân sách huyện và các nguồn vốn khác. Đối với các huyện còn lại, ngân sách tỉnh hỗ trợ không quá 50%, còn lại là ngân sách huyện và các nguồn vốn khác.

- Hỗ trợ xây dựng nông thôn mới cấp xã

Nội dung và định mức hỗ trợ vốn ngân sách nhà nước cho các nội dung, công việc thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới thực hiện theo Phụ lục đính kèm.

Trong đó, đóng góp của nhân dân, bao gồm: đóng góp bằng tiền mặt; tự nguyện hiến đất và giải phóng mặt bằng; cung cấp vật liệu xây dựng (cát, sỏi, đá) và các vật liệu khác; đóng góp bằng ngày công lao động.

- Các nội dung hỗ trợ còn lại thực hiện theo quy định hiện hành.

**III. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU**

**1. Nhiệm vụ trọng tâm**

a) Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội cơ bản đồng bộ, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng, miền

Đối với cấp xã, tiếp tục đầu tư hoàn thiện hệ thống hạ tầng cơ bản phục vụ sản xuất và dân sinh ở nông thôn (giao thông, thủy lợi, trường học, trạm y tế,...), nâng cao hiệu quả công tác quản lý, khai thác công trình đảm bảo bền vững và ứng phó với biến đổi khí hậu. Đối với cấp huyện, chú trọng đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn gắn với phát triển đô thị, từng bước bắt kịp tốc độ phát triển chung của vùng, tạo kết nối đồng bộ, nhất là kết nối liên xã, liên huyện; ưu tiên đầu tư hình thành và phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng thu mua, kết nối, cung ứng nông sản hiện đại, cơ sở hạ tầng chế biến, thương mại và dịch vụ gắn với vùng sản xuất hàng hóa tập trung, quy mô lớn.

b) Phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập của người dân theo hướng bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, chú trọng khai thác lợi thế của từng vùng, miền.

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả chủ trương cơ cấu lại nông nghiệp, phát triển kinh tế nông nghiệp sinh thái, kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới theo hướng kinh tế tuần hoàn; ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại, chuyển đổi cơ cấu sản xuất hiệu quả. Triển khai thực hiện sâu rộng chương trình Mỗi xã một sản phẩm theo hướng phát triển nội sinh và gia tăng giá trị. Tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của hợp tác xã. Đồng thời đẩy mạnh phát triển tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ; phát triển dịch vụ du lịch nông thôn, góp phần nâng cao thu nhập người dân theo hướng bền vững.

c) Phát triển giáo dục - đào tạo, y tế, văn hóa - xã hội, khoa học - công nghệ; đảm bảo an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững; không ngừng nâng cao chất lượng cuộc sống, đời sống văn hóa tinh thần của người dân; đẩy mạnh và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công; bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân

Tập trung nâng cao chất lượng giáo dục nông thôn, ưu tiên chính sách để hỗ trợ khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn vùng miền núi, ven biển để nâng cao tỷ lệ huy động trẻ đến trường. Chú trọng nâng cao hiệu quả của y tế cộng đồng cấp xã và cấp huyện đảm bảo hiệu quả phòng chống bệnh lây nhiễm và nâng cao chất lượng khám chữa bệnh cho người dân nông thôn. Tiếp tục xây dựng, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở, tăng cường nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa, thể thao nông thôn, gắn với tổ chức cộng đồng, kết nối các tầng lớp nhân dân, đáp ứng nhu cầu vui chơi, giải trí cho người dân; bảo tồn và phát huy di sản văn hóa; phát triển các mô hình du lịch gắn với bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống, nâng cao giá trị kinh tế của các giá trị văn hóa. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện các dịch vụ hành chính công nhằm nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính theo hướng minh bạch, công khai và hiệu quả ở các cấp. Tăng cường hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

d) Bảo vệ môi trường và cải tạo cảnh quan nông thôn

Nâng cao chất lượng môi trường, tăng cường hệ thống cấp nước sạch nông thôn; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục hình ảnh, cảnh quan truyền thống của nông thôn Quảng Trị. Tập trung xây dựng cơ sở hạ tầng bảo vệ môi trường khu vực nông thôn, đẩy mạnh xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường, thu hút các doanh nghiệp đầu tư các khu xử lý rác tập trung quy mô liên huyện, đồng thời khuyến khích phát triển các mô hình xử lý nước thải sinh hoạt. Phát triển, nhân rộng các mô hình phân loại rác tại nguồn, phong trào nói không với rác thải nhựa. Đẩy mạnh xử lý khắc phục ô nhiễm và cải thiện chất lượng môi trường ở những nơi gây ô nhiễm nghiêm trọng. Phát triển các mô hình khu dân cư kiểu mẫu làm tiền đề cho phát triển du lịch nông thôn.

đ) Giữ vững quốc phòng, an ninh

Tập trung huy động mọi nguồn lực, biện pháp đảm bảo quốc phòng, an ninh. Xây dựng lực lượng dân quân, lực lượng tham gia bảo đảm an ninh trật tự ở cơ sở vững mạnh, rộng khắp và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng, an ninh; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân vững chắc.

**2. Giải pháp chủ yếu**

a) Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ và cư dân nông thôn, nâng cao chất lượng các phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới, phong trào “Quảng Trị chung sức xây dựng nông thôn mới”.

b) Căn cứ các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình được trung ương phê duyệt và điều kiện thực tế, ban hành kế hoạch hành động 5 năm, hàng năm để lựa chọn nội dung, nhiệm vụ ưu tiên, tập trung chỉ đạo và bố trí đủ nguồn lực để thực hiện, phấn đấu hoàn thành các mục tiêu của Chương trình giai đoạn 2021-2025; trong đó, chú trọng phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, cơ bản đồng bộ, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền; phát triển kinh tế nông thôn gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng kinh tế tuần hoàn, phát triển các sản phẩm đặc sản, có lợi thế địa phương theo Chương trình Mỗi xã một sản phẩm; bảo vệ nâng cao chất lượng môi trường, xây dựng cảnh quan nông thôn xanh - sạch - đẹp, an toàn; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá truyền thống gắn với phát triển kinh tế du lịch nông thôn; xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; giữ vững quốc phòng; tăng cường nguồn lực lượng, nguồn lực cho công tác bảo đảm an ninh trật tự ở địa bàn cơ sở, giải quyết tốt các vấn đề an ninh trật tự ở địa bàn nông thôn ngay từ cơ sở, xây dựng môi trường xã hội an toàn, lành mạnh ở địa bàn nông thôn.

c) Rà soát, hoàn thiện khung pháp luật, cơ chế chính sách hỗ trợ xây dựng nông thôn mới, đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế, trong đó, tập trung ưu tiên hỗ trợ thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn, phát triển kinh tế nông thôn theo mô hình kinh tế tuần hoàn và nông thôn mới thông minh; chỉ đạo các địa phương chủ động ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù hỗ trợ thực hiện các nội dung của Chương trình theo hướng nâng cao chất lượng, đi vào chiều sâu và bền vững.

d) Tập trung chỉ đạo tiếp tục hoàn thiện bộ máy chỉ đạo, tổ chức thực hiện Chương trình ở các cấp đồng bộ, thống nhất từ tỉnh đến cơ sở; kiện toàn bộ máy tham mưu, giúp việc cho Ban chỉ đạo các cấp đảm bảo đồng bộ, thống nhất về vị trí, chức năng, nhiệm vụ; đảm bảo chuyên trách, chuyên nghiệp, ổn định, nhưng không làm phát sinh tổng biên chế được giao, tăng cường cán bộ biệt phái.

đ) Đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng khoa học, công nghệ, đặc biệt công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp, tăng cường áp dụng công nghệ bảo quản và chiến biến quy mô nhỏ và vừa, xây dựng mô hình liên kết chuỗi giá trị quy mô lớn gắn với thương hiệu, truy xuất nguồn gốc sản phẩm để phát triển hiệu quả, bền vững, đủ sức cạnh tranh trong hội nhập quốc tế. Tiếp tục triển khai hiệu quả Chương trình Khoa học công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 để góp phần nghiên cứu, giải quyết các vấn đề từ thực tiễn đặt ra trong phát triển sản xuất và nâng cao đời sống của người dân, phù hợp với điều kiện đặc thù của các địa phương.

e) Tăng cường thực hiện hiệu quả các giải pháp huy động nguồn lực thực hiện Chương trình, trong đó: thực hiện lồng ghép các Chương trình MTQG và các chương trình, dự án khác trên địa bàn nông thôn; huy động tối đa nguồn lực của địa phương và các nguồn lực hợp pháp khác ngoài ngân sách; sử dụng hiệu quả các nguồn vốn tín dụng; vận động người dân tiếp tục tham gia đóng góp xây dựng nông thôn mới theo nguyên tắc tự nguyện cho từng dự án, nội dung cụ thể, do Hội đồng nhân dân xã thông qua; huy động các nguồn tài chính hợp pháp khác.

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị khóa VIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày tháng năm 2022 và có hiệu lực từ ngày tháng năm 2022./.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - VPQH, VPCP, VPCTN;  - Các Bộ: NN&PTNT, KH&ĐT, TC;  - Cục KTVBQPPL - Bộ Tư pháp;  - Vụ Pháp chế - Bộ NN&PTNT;  - TVTU, TT HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;  - Đoàn ĐBQH, TAND, VKSND tỉnh;  - Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh;  - TT HĐND, UBND cấp huyện;  - Đại biểu HĐND tỉnh;  - Công báo tỉnh;  - Lưu: VT, KTNS.T Trần Vă |  | **CHỦ TỊCH**  **Nguyễn Đăng Quang** |

**Phụ lục**

**QUY ĐỊNH MỨC HỖ TRỢ TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CHO CÁC NỘI DUNG, CÔNG VIỆC**

**THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG TRỊ**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2022/NQ-HĐND ngày / /2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị)*

| **TT** | **Nội dung hỗ trợ** | **ĐVT** | **Địa bàn và định mức hỗ trợ** | | | | | | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Xã ĐBKK vùng DTTS và MN (xã khu vực III)** | | **Xã ĐBKK vùng bãi ngang ven biển; xã vùng DTTS và MN (xã khu vực I, II)** | | **Xã còn lại** | |
| **Ngân sách nhà nước** | **Dân góp và nguồn vốn khác** | **Ngân sách nhà nước** | **Dân góp và nguồn vốn khác** | **Ngân sách nhà nước** | **Dân góp và nguồn vốn khác** |
| **I** | **Công trình giao thông nông thôn** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện | % | 95 | 5 | 95 | 5 | 90 | 10 |  |
| 2 | Đường thôn, bản; đường liên thôn, bản; đường ngõ, xóm | % | 95 | 5 | 80 | 20 | 70 | 30 |  |
| 3 | Đường trục chính nội đồng, đường vào khu sản xuất tập trung | % | 95 | 5 | 80 | 20 | 70 | 30 |  |
| 4 | Cống, rãnh thoát nước | % | 95 | 5 | 80 | 20 | 70 | 30 |  |
| 5 | Cầu qua đường giao thông nông thôn | % | 95 | 5 | 90 | 10 | 80 | 20 |  |
| 6 | Cầu qua kênh mương nội đồng | % | 95 | 5 | 80 | 20 | 70 | 30 |  |
| **II** | **Công trình thủy lợi, công trình phòng chống thiên tai** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 7 | Đầu tư xây dựng cống, kiên cố hóa kênh mương | % | 95 | 5 | 90 | 10 | 80 | 20 |  |
| 8 | Công trình phòng chống thiên tai cấp xã | % | 95 | 5 | 90 | 10 | 90 | 10 |  |
| **III** | **Công trình giáo dục** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 9 | Cơ sở vật chất trường học (trường mầm non, tiểu học, THCS; hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) | % | 95 | 5 | 95 | 5 | 80 | 20 |  |
| **VI** | **Công trình y tế** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 10 | Xây mới trạm y tế xã | Triệu đồng | 5.000 | - | 4.000 | - | 4.000 | - | NSNN hỗ trợ tối đa không quá định mức này |
| 11 | Sửa chữa, nâng cấp trạm y tế xã đạt chuẩn | Triệu đồng | 2.000 | - | 1.000 | - | 1.000 | - | NSNN hỗ trợ tối đa không quá định mức này |
| **V** | **Công trình văn hóa** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 12 | Trung tâm thể thao (sân thể thao), nhà văn hóa xã hoặc hội trường đa năng | % | 95 | 5 | 95 | 5 | 80 | 20 |  |
| 13 | Khu thể thao, nhà văn hóa thôn, bản | % | 95 | 5 | 80 | 20 | 70 | 30 |  |
| 14 | Điểm vui chơi giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi | % | 95 | 5 | 80 | 20 | 70 | 30 |  |
| **IV** | **Công trình cấp nước sinh hoạt** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 15 | Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung khu vực nông thôn | % | 95 | 5 | 90 | 10 | 80 | 20 |  |
| **VII** | **Cơ sở hạ tầng bảo vệ môi trường nông thôn** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 16 | Hệ thống thu gom, xử lý nước thải vùng chăn nuôi tập trung, vùng nuôi trồng thủy sản | % | 95 | 5 | 90 | 10 | 80 | 20 |  |
| 17 | Điểm thu gom và trung chuyển rác thải xã, thôn | % | 95 | 5 | 90 | 10 | 80 | 20 |  |
| **VIII** | **Cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 18 | Đầu tư mới đài truyền thanh xã | Triệu đồng | 450 | - | 450 | - | 450 | - | NSNN hỗ trợ tối đa không quá định mức này |
| **IX** | **Hệ thống lưới điện nông thôn** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 19 | Hệ thống điện chiếu sáng các trục đường nông thôn | % | 80 | 20 | 70 | 30 | 60 | 40 |  |
| **X** | **Hạ tầng thương mại nông thôn** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 20 | Xây mới chợ đạt chuẩn | Triệu đồng | 2.000 | - | 2.000 | - | 2.000 | - | NSNN hỗ trợ tối đa không quá định mức này |
| 21 | Sửa chữa, nâng cấp chợ đạt chuẩn | Triệu đồng | 700 | - | 700 | - | 700 | - | NSNN hỗ trợ tối đa không quá định mức này |
| 22 | Điểm mua bán, trao đổi hàng hóa tập trung | % | 80 | 20 | 70 | 30 | 50 | 50 |  |
| **XI** | **Hạ tầng các khu sản xuất tập trung, tiểu thủ công nghiệp, thủy sản** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 23 | Hạ tầng các khu sản xuất tập trung, tiểu thủ công nghiệp, thủy sản | % | 80 | 20 | 70 | 30 | 50 | 50 |  |
| **XII** | **Cải tạo cảnh quan nông thôn** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 24 | Các công trình cải tạo cảnh quan nông thôn | % | 80 | 20 | 70 | 30 | 50 | 50 |  |